

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình
mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2018;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 144/HĐND-KTNS ngày 22/5/2018, xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 592/SYT-KHTC ngày 20/3/2018, Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 423/STP-VP ngày 21/3/2018, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 211/SKH-CN ngày 20/3/2018, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 583/SLĐTBXH-KHTC ngày 19/3/2018, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 394/SVHTTDL-KHTC ngày 30/3/2018 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 778/STC-HCSN ngày 13/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ 16.997 triệu đồng để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018, từ nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2018 (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm giải quyết kinh phí tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán kinh phí đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch các Hội: Văn học Nghệ thuật tỉnh, Nhà báo tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KT,VX,NC), KGVX, NC, CBTH;
- Lưu: VT, KT.bngoc218



Trần Ngọc Căng



Phụ lục

Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của UBND tỉnh

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số TT	Tên chương trình, dự án	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng số		16.997
1	Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2.673
a	Dự án Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp		2.000
b	Dự án Phát triển thị trường lao động và việc làm		388
c	Dự án Tăng cường an toàn lao động, vệ sinh lao động		285
2	Chương trình mục tiêu Hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.195
a	Dự án Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế		150
b	Dự án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em		585
c	Dự án Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới		160
d	Dự án Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, mại dâm và nạn nhân bị buôn bán		300
3	Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số	Sở Y tế	9.225
a	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến		2.255
	Phòng chống bệnh lao		579
	Phòng chống bệnh phong		137
	Phòng chống bệnh sốt rét		121
	Phòng chống bệnh sốt xuất huyết		367
	Bảo vệ sức khỏe bệnh tâm thần cộng đồng		638
	Phòng chống bệnh tăng huyết áp		74
	Phòng chống bệnh đái tháo đường		60
	Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính		80
	Y tế học đường		199
b	Dự án 3: Dân số và phát triển,		4.118
	Dân số và kế hoạch hóa gia đình		3.403

Số TT	Tên chương trình, dự án	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)
	Chăm sóc sức khỏe sinh sản		190
	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em		525
c	Dự án 4: An toàn thực phẩm		1.572
d	Dự án 5: Phòng chống HIV/AIDS		560
g	Dự án 7: Quân dân y tế kết hợp		20
h	Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế		700
	Truyền thông y tế		210
	Truyền thông an toàn thực phẩm		490
4	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật và Hội Nhà báo địa phương; mua thiết bị chiếu phim và ô tô chuyên dùng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh; Hội Nhà báo tỉnh	1.710
a	Mua thiết bị chiếu phim trang bị cho Đội Chiếu bóng huyện Trà Bồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	300
b	Mua xe ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động trang bị cho Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh		850
c	Hỗ trợ các hoạt động tại Hội	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh	460
d	Hỗ trợ các hoạt động tại Hội	Hội Nhà báo tỉnh	100
5	Hỗ trợ thực hiện một số Đề án, Dự án khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	500
6	Chính sách trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp	221
a	Hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình		141
b	Tăng cường năng lực cho người thực hiện trợ giúp pháp lý		80
7	Sự nghiệp văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1.473
a	Dự án bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa		600
b	Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa		373
c	Dự án phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn		500